

# Những tháng ngày màu nhiệm

HT. Thích Như Điển



Mỗi năm vào ngày 28 tháng 6, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Chi Bộ Đức Quốc chọn làm ngày họp định kỳ của Chi Bộ tại một chùa trong nước Đức và nhân kỳ họp này, Chư Tôn Đức Tăng Ni thông qua chương trình tu học, Phật Đản, Vu Lan và những lễ lộc quan trọng của năm sau. Bất kể là gió, sương, mưa, tuyết, hay xuân, hạ, thu, đông. Khi thời gian đến, mọi chùa đều lên lịch trước đó một hai tháng để Phật Tử vân tập về chùa tham dự lễ cũng như tu học.

Nếu gặp thời tiết thuận tiện, Phật Tử về chùa đông đủ và có thể ở ngoài sân chùa để hàn huyên tâm sự; nếu chẳng may gặp ngày mưa, bão, giá, tuyết thì phải đành thúc thủ cầu nguyện cho thời tiết đỡ băng giá hơn; nhưng có lẽ cũng nhờ những lời cầu nguyện chân thành ấy mà cao xanh đã thấu hiểu lòng người chẳng? Nên nhiều lễ đã được tổ chức một cách viên mãn, mà thời tiết đã quyết định phần lớn của việc này.

Đầu tiên là lễ Khánh thành chùa Linh Thứu tại Berlin Đức quốc. Đó là ngày 21 tháng 10 năm 2012 vừa qua. Trước đó một tuần và gần đó 2 ngày, bầu trời mùa thu của nước Đức hầu như không có mây trắng, lá vàng bay, mà toàn là những cơn gió bắc thổi lạnh tê tái tâm can, mưa rơi càng nặng hạt. Ai nấy cũng lấy

làm lo. Nhưng kỳ lạ thay vào ngày 21.10.2012 lại là ngày có nhiệt độ tăng lên từ 16 đến 26 độ C và bầu trời lại quang đãng; nên lễ Khánh thành đã hoàn tất một cách viên mãn với gần 3.000 người tham dự trong suốt tuần lễ ấy. Ngày hôm sau 22.10 và tuần lễ kế tiếp lại giá lạnh, tuyết rơi.

Ngược dòng thời gian, cách đây hơn 30 năm về trước, khi các Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Hannover, Hamburg được hình thành, thì Bá Linh cũng là một trong 3 Chi Hội tiên phương đó. Họ đến với nhau trong tinh thần văn nghệ, trong tình người con Phật xa quê hương xứ sở, nơi xứ lạ quê người này; nên rất dễ thân thiện với nhau. Kể từ đó cho đến nay (2012) toàn cõi nước Đức đã có 25 Chi Hội như vậy đã được thành lập và duy trì.

Đầu thập niên 80 Niệm Phật Đường Linh Thửu tại Berlin được thành lập qua sự tài trợ của Hồng Thập Tự Bá Linh. Nơi đây cũng đã được chuyển hai lần và đặc biệt nhất năm 1989 khi bức tường Bá Linh sụp đổ (9.11) thì Niệm Phật Đường tại Krefelderstrasse đã cứu mang không biết bao nhiêu con người đã rời bỏ chủ nghĩa cộng sản bên Đông để qua phía Tây xin tỵ nạn và những ngày tháng ban đầu ấy Linh Thửu vẫn là chốn nương tựa của những người muốn tìm cầu lý tưởng tự do.

Cũng vì Niệm Phật Đường này không cứu mang nổi số người đến chùa mỗi lúc một đông; nên quý Sư Cô và Phật Tử đã chung sức chung lòng tạo mãi một căn nhà tại Pinnenweg để “cải gia vi tự“. Chùa này sinh hoạt cho đến năm 2005 thì chính thức dọn về chùa mới trong hiện tại. Đầu tiên Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước mua một lô đất trống bên cạnh, sau đó mua dần cơ sở đã có sẵn để tạm làm chùa và cuối cùng năm 2011 đã đặt đá xây chùa và năm nay 2012 làm lễ Khánh thành với kinh phí là 2.300.000€ (Hai triệu ba trăm ngàn). Trong đó số tiền nợ của Phật Tử chỉ có 600.000€. Phần còn lại do Phật Tử đóng góp cúng dường. Không nhiệm màu sao được, khi khởi đi từ 30 năm trước, người con Phật chỉ có một tấm lòng, mà hơn 30 năm sau, cơ ngơi Phật Pháp quá đồ sộ như vậy, làm sao người thường chẳng ganh tị với sự thành công vượt bậc này; nên câu “Phật Pháp nhiệm màu“ tôi thường dùng cho đến hết đoạn đời sanh tử của mình là vậy. Không ai trong chúng ta lại có thể tin rằng một cơ ngơi như vậy, một ngày đẹp trời như vậy tại Bá Linh có một ngôi chùa như vậy được khánh thành.

Ngày 27 tháng 10 năm 2012 cũng là ngày đẹp trời khó tả tại Chiangmai, Thái Lan. Chính ngày ấy là ngày làm lễ Khánh thành 3 Tôn tượng Tây Phương Tam Thánh tại Cục Lạc Cảnh Giới Tự; nơi Đại Đức Hạnh Nguyên đang trụ trì.

Tôn tượng Đức Phật A Di Đà cao 12 mét; tượng Quan Âm, Thế Chí cao 7 mét. Các tôn tượng đều do thợ từ Việt Nam qua tôn tạo; nên dáng dấp và nghệ thuật điêu khắc hoàn toàn theo tư thế Việt Nam. Hôm ấy đã có hàng trăm Phật Tử và Chư Tôn Đức đến từ Châu Úc, Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ tham dự và những Phật Tử trong chiếc áo dài truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. Trước đó

và sau đó, trời đổ mưa; nhưng riêng ngày 27.10 trời quang mây tạnh, dường như có ai đó đang mời mưa và gió đi chơi chỗ khác. Nhờ vậy mà những tà áo dài truyền thống Việt Nam mới có cơ hội tung bay trước gió ở xứ chùa tháp này.

Kể từ thời Nguyễn Vương qua tỵ nạn Tây Sơn ở đây, từ năm 1880 đến 1889 đã có 18 ngôi chùa được thành lập; trong đó có nhiều ngôi chùa khá nổi tiếng như Phổ Phước tại Bangkok – là bốn bộ của phái Anamikaya (Việt Tông); Khánh Vân; nơi còn lưu giữ nhục thân xá lợi của Ngài Phổ Sai Thiền Sư. Chùa Việt Nam tại Hat Yai; nơi có Viện Đại Học Phật Giáo có dạy Việt ngữ; chùa Việt Nam ở thành phố Chomburi; nơi còn lưu lại nhục thân xá lợi của Ngài Thiền Sư Hồ Phách... Ngày nay, trong 18 ngôi chùa này không còn vị Sư Việt Nam nào làm trụ trì cả; nhưng những chùa này tất cả đều tụng kinh theo ngữ điệu Việt Nam cả 2 thời công phu sáng tối. Tuy họ là người Hoa, người Thái; nhưng họ đã giữ lại bản sắc dân tộc của những người đã xây dựng nên chùa viện Việt Nam. Quả là điều đáng tán dương và ca ngợi.

Đến Chiangmai để thấy Cực Lạc Cảnh Giới Tự ngày nay khác hẳn những năm trước rất nhiều. Ngoài khu chánh điện chư Tăng, Ưu Bà Di và những khu thất nhỏ cũng như văn phòng ra, trà Olong đã xanh và cao hẳn gần đến đầu người. Có cả hằng 50.000 gốc trà đang phủ kín cả núi đồi nơi đây và trong tương lai trà sẽ là nguồn huê lợi để nuôi sống chùa trong thời gian dài khi khách hành hương ít còn tới lui nữa. Bên cạnh đó chuối, mít, khế, ổi, chùm ruột v.v... vô số trái và nặng trĩu cả cành cây. Ai đến đây rồi, sẽ không muốn dời gót. Vì trái ngọt của quê hương đã mọc rễ và cho ra hoa quả tại xứ người rồi.

Cực Lạc Cảnh Giới Tự về đêm đẹp tuyệt vời. Ở đây không có chim Ca Lãng Tàn Già; nhưng ao thất bảo và hoa sen nhiều màu, nhạc trời do chư Thiên chúc tụng đã tấu lên những khúc nhạc thiên thai; khiến cho ai đó đã một lần vãng cảnh, không thể nào không liên tưởng đến kinh Tiểu Bản A Di Đà mà Đức Phật đã nói cho Ngài Xá Lợi Phất nghe, khi Ngài còn tại thế.

Phần Hạ phẩm xem như hoàn tất. Phần Trung phẩm và phần Thượng phẩm của Cửu Phẩm Liên Hoa sẽ từ từ kiến tạo khi tình hình vật chất và thời gian cho phép. Cứ ngỡ rằng công trình này mãi dang dở; vì sự nghi kỵ ở nhiều mặt; nhưng rồi công lý đã thắng; nên Thầy Hạnh Nguyên đã tiếp tục xây dựng song song với việc nhập thất dài lâu để tu tập và đọc qua bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Việt. Nếu không có Đại Đức Thích Vạn Trí đang kiêm nhiệm chức Tri Sự, thì mọi Phật sự bên ngoài chắc cũng khó hoàn thành. Một con én không làm nên một mùa xuân; nhưng nếu một mùa xuân có nhiều cánh én tung bay, quả thật đó là một mùa xuân đầy đủ ý nghĩa nhất.

Chúng tôi đến đó từ ngày 23 tháng 10 và rời đây vào ngày 29 tháng 10 năm 2012 qua 4 ngày chuyên tu lễ bái cũng như hàn huyên tâm sự, đồng thời thưởng thức những hương vị ngọt ngào của cây trái Thái Lan. Nào dứa, nào ổi, dưa hấu, bòn bon, chôm chôm, măng cụt, xoài, mít v.v... như ngọt lịm đến tận môi, mà

trên thế giới này chẳng có nơi nào có được, ngay cả quê hương Việt Nam, mà giá thành lại quá rẻ so với Âu Châu hoặc Nhật Bản ngày nay. Do vậy tôi đã nói rằng: “Quý vị nên tận hưởng tất cả cây trái Thái Lan, khi qua Nhật chỉ nên nhìn, chứ khó mà mua được”.

Ngày 29 tháng 10 năm 2012, Phái đoàn của chúng tôi đã rời Thái Lan để đến Nhật Bản và sẽ lưu lại đây 8 ngày 7 đêm để ngày 5 tháng 11 thì Đoàn lại trở về trụ xứ của mình. Chương trình này chúng tôi và Hòa Thượng Bảo Lạc cũng như Hòa Thượng Thích Minh Tuyên đã sắp đặt trước đó cả một năm; nhưng đúng là “hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân”. Tất cả đều thành tựu như ý nguyện; nhất là vấn đề thời tiết. Trước đó mấy ngày trời Tokyo lạnh giá; nhưng đến ngày 4.11.2012 thì bầu trời nắng ấm lạ lùng. Nhờ vậy mà các cô, các bà trong đoàn hành hương của chúng tôi gồm 14 quốc tịch, có cơ hội ăn diện áo dài Việt Nam để sánh với những chiếc Kimono của Nhật Bản. Đoàn chúng tôi hướng dẫn gồm 85 người đến từ Đức, Pháp, Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch, Hòa Lan, Ai Nhĩ Lan, Việt Nam, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ, Canada, Ấn Độ, Thái Lan, Áo. Toàn là người Việt Nam; nhưng trong Đoàn có thêm 4 người Thái và người Hoa; nên ngoài tiếng Nhật, Việt Nam ra chúng tôi còn phải dùng thêm tiếng Hoa và tiếng Anh nữa. Đây là một chuyến du lịch lịch sử; nhưng đã chẳng xảy ra một vấn đề khó khăn cỡ con nào. Có lẽ vì đã chuẩn bị trước; nhưng đây cũng xin cảm ơn Đồng Pháp của hãng du lịch Nhi Phong ở Đức đã tận tình lo lắng cho Đoàn trong mọi phương diện như: ăn, ở, di chuyển v.v... nên mới được như vậy.

Vào năm 1968 khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước còn khá vững vàng. Lúc ấy Đức Đệ Nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết, Ngài Đệ Nhị Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Thích Thiện Hoa, Hòa Thượng Thích Thiện Hòa, Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Hòa Thượng Thích Hành Trụ v.v... mong rằng ở ngoại quốc nên thành lập 3 ngôi chùa ở 3 nơi như: Ấn Độ, Nhật Bản và Pháp; nên quý Ngài đã gởi 3 Tôn Tượng Đức Bồ Đề Sư, cao độ 50cm bằng thạch cao sang những xứ có Chư Tăng Ni đang tu học thuở bấy giờ; nhưng cho đến năm 1975 vẫn chưa lập được một ngôi chùa nào; nên tôn tượng gởi qua Pháp cho Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh thì được Hòa Thượng Thích Minh Tâm thỉnh về chùa Khánh Anh để thờ tại Paris cho đến ngày nay. Tôn tượng gởi qua Ấn Độ đã được Giáo sư Lâm Trung Quốc (Thầy Huyền Diệu) đang thờ tại ngôi chùa Việt Nam Phật Quốc Tự tại Bồ Đề Đạo Tràng. Riêng tôn tượng thứ ba có một lịch sử hơi dài như sau:

“Ngày trước từ năm 1952 đến năm 1975 Chư Tăng Ni du học tại Nhật thành tài về lại nước như: Cố Hòa Thượng Thích Thiện Ân, Cố Hòa Thượng Thích Tâm Giác, Cố Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, Cố Hòa Thượng Thích Thiện Định, Hòa Thượng Thích Trí Tâm, Hòa Thượng Thích Trí Quảng v.v... nên tôn tượng ấy do Cố Hòa Thượng Thích Minh Lễ giữ và sau đó Ngài gởi vào chùa Joenji (Thường Viên tự) tại Tokyo và cũng năm 1975 ấy, Cố Hòa Thượng sang Pháp lập Chùa Tịnh Tâm tại Paris cũng đã chẳng mang theo.

Vào năm 1980 khi Chùa Viên Giác dời về đường Eichelkampstrasse ở Hannover, Đức quốc - tôi đã thua với Hòa Thượng Thích Minh Tâm (Pháp), Hòa Thượng Chơn Thành (Hoa Kỳ), Hòa Thượng Minh Tuyên (Nhật) - là những người có trách nhiệm với Chi Bộ thuở bấy giờ, được thỉnh về Đức để tôn thờ. Lúc ấy quý Ngài đã đồng ý; nên tôi đã bay về Nhật và thỉnh tôn tượng này sang Đức, thờ tại Chùa Viên Giác cho đến ngày nay“.

Đây là 3 pho tượng lịch sử, chúng ta cần nên nhớ. Vì lẽ có liên quan đến các bậc tôn túc trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thuở bấy giờ.

Từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay (2012); trong gần 40 năm lịch sử ấy đã có hơn 600 ngôi chùa lớn nhỏ được thành lập khắp đó đây trên thế giới này. Có những ngôi chùa lớn trị giá trên dưới 20 triệu đô-la như Chùa Khánh Anh ở Pháp hay hơn 10 triệu đô-la như Chùa Việt Nam ở Houston (Hoa Kỳ), Chùa Quan Âm (Canada), Chùa Viên Giác (Đức), Khuông Việt (Na Uy) và cũng có những ngôi chùa khiêm nhường hơn trị giá chừng vài trăm ngàn đô; nhưng tất cả đều do mồ hôi nước mắt của người Phật Tử đóng góp vào mà có được để sưởi ấm lòng người khi phải sống xa quê hương trong nghìn trùng xa cách.

Cách đây chừng 5 năm, khi Hòa Thượng Thích Minh Tuyên đã ở vào tuổi 70 (thất thập cổ lai hy); nhưng Ngài lại chọn cách lập chùa ở đất Nhật. Khi nghe tin ấy, chúng tôi những người cựu sinh viên Tăng Ni du học tại Nhật rất vui, vì từ xưa nay (hơn 50 Tăng Ni du học) chưa có ai phát được Đại Nguyên ấy; nhưng cũng rất lấy làm lo là không biết Hòa Thượng có thành tựu được chăng? Một mặt vì tuổi lớn, mặt khác vì lẽ Thầy ấy đơn chiếc có một mình sau 45 năm lưu trú tại Nhật. Thế rồi Ngài sang Hoa Kỳ, rồi Âu Châu, Úc Châu, Canada để vận động tài chánh, để rồi năm 2011 đã hình thành với hình dáng một ngôi chùa tại tỉnh lỵ Kanagawa nằm gần Tokyo. Đây là một niềm hãnh diện vô biên, vì ước nguyện của Ngài cũng như Phật Tử Việt Nam tại Nhật đã thành tựu.

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 vừa qua, 5 tỉnh ở miền Đông nước Nhật như Fukushima (Phước Đảo), Sendai (Tiên Đài), Chiba (Thiên Diệp) v.v... đã bị một cơn Tsunami ập đến làm cho thế giới phải bàng hoàng, kinh động. Có hơn 15.000 người chết và nhà cửa tài sản bị cuốn trôi vào lòng đại dương chỉ trong vòng mấy tiếng đồng hồ. Thế mà cả năm sau những vùng đất này vẫn chưa hoàn hồn như cũ. Đây cũng là cơ hội để cho chúng tôi sang thăm và ủy lạo Nhật Bản vào cuối tháng 5 năm 2011 vừa rồi. Lúc ấy Phái Đoàn chúng tôi đã ghé thăm Chùa Việt Nam của Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, thấy chùa xây còn dang dở; nhưng cũng mong được thành tựu sớm; nên chúng tôi mỗi người một ít đóng góp vào và mong sao năm 2012 sẽ có lễ Khánh thành đợt 1. Đây là nhân duyên và là kết quả vậy.

Ai trong chúng tôi trong Đoàn hành hương kỳ này cũng khen người Nhật sạch sẽ, người Nhật trầm lặng, người Nhật đúng giờ, nhà vệ sinh của Nhật sạch và

đẹp nhất thế giới; nhưng cũng có người chê Nhật nói tiếng Anh dở và vật giá thì khỏi chê. Một củ khoai lang nướng giá 6 đô la Mỹ, một quả xoài, một trái táo Fuji không dưới 3 đô la. Còn nhiều loại đặc khủng khiếp; nói ra chắc ít người tin; nhưng ai ai cũng phải tin những điều này.

Người Nhật rất đúng giờ; không bao giờ họ sai hẹn và trễ năm phút. Trong khi đó người Việt Nam chúng ta phải xét lại vấn đề này. Nếu không tin nhau thì không thể làm được việc gì cả, nhất là vấn đề hẹn hò giờ giấc. Người Nhật hẹn ở nhà gare hay công viên đều đúng giờ. Nếu đến giờ phải đi, người ta có tấm bảng tại đó ghi lại những điều muốn ghi để người đến sau theo đó mà tìm đến.

Nếu nói nước nào sạch nhất thế giới, thì phải nói rằng nước Nhật. Họ sạch từ trong nhà ra ngoài ngõ; từ cửa sổ lên tận trần nhà; từ dưới đất ra ngoài đường và ngay cả những nơi công cộng như chùa chiền, nhà gare, xa lộ v.v... chẳng thấy nơi nào có rác cả. Hỏi tại sao được như vậy? Câu trả lời là: Do ý thức của người dân. Họ trình độ dân trí cao, không làm những việc không có ý thức, mà trách nhiệm thuộc về mình; nên ít thấy một tàn thuốc nằm vô tình đâu đó. Tất cả đều lớp lang và thứ tự. Ngay cả khi đi mua vé tàu hay vào phòng vệ sinh công cộng, tất cả phải xếp hàng; nhưng rất nhanh và lễ phép, lịch sự. Khi mua hàng không vừa lòng trả lại, họ vẫn vui vẻ cúi đầu chào, không bao giờ tỏ ý bất bình nơi khóe mắt hay nét mặt. Người Nhật nghe nhiều hơn nói. Điều này đúng với người xưa đã dạy cho chúng ta rằng: Chúng ta chỉ có một cái miệng, mà có đến hai lỗ tai. Khi mở miệng ra phải đắn đo; nếu không, sẽ bị vấp phải lỗi“.

Điều vô cùng quan trọng của người Nhật là tạo niềm tin tưởng với nhau. Hầu như họ không nghi kỵ gì với người đối diện. Vật của ai, thuộc về người ấy; không ai tham lam của cải của người khác. Qua trận Tsunami vừa rồi, thế giới đã phải cúi đầu trước sự nhẫn nại và lòng tin yêu của người Nhật khi họ phải đối diện với khổ đau, chết chóc và con đường hy vọng đã bị chôn vùi. Thế mà họ đã đứng vững hai chân sau đệ nhị thế chiến (1945) để ngày nay họ là một cường quốc sánh vai với các nước Âu Mỹ. Họ thất bại sau đệ nhị thế chiến qua chiến tranh Daitoa (Đại Đông Á) của Nhật Hoàng Hirohito; nhưng ngày nay họ đã thành công trên thương trường và ngoại giao đối với quốc tế. Đúng với câu tục ngữ của chúng ta là :“thất bại là mẹ đẻ của thành công“. Hoặc người xưa cũng đã dạy rằng:“té xuống mặt đất và hãy lấy hai tay chống đất để đứng dậy“. Người Nhật đã thể hiện trọn vẹn những lời dạy này của Thánh Hiền; nên họ đã thành công một cách phi thường và trên thế giới này khó có một dân tộc nào sánh kịp.

Nhưng tại sao người Nhật nói tiếng Anh dở, mặc dầu những nghiên cứu của họ từ tiếng Anh qua tiếng Nhật hay ngược lại, thế giới này chẳng có ai sánh bằng? Lý do đơn giản thôi. Vì lẽ tiếng Nhật mẫu tự nhiều mà tử âm ít. Cho nên khi nhân dấu, họ ít thành công. Ví dụ như chữ Ohaijo Gozaimasu (chào buổi sáng). Trong chữ này có 14 âm, mà có đến 8 mẫu âm và tử âm chỉ có 6 chữ. Trong khi tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Hoa, tiếng Việt tử âm nhiều hơn và có

dấu nhấn nhiều hơn; nên người những nước này học và phát âm ngoại ngữ rõ cũng như nhanh hơn người Nhật nhiều. Riêng phần gọi thức giấc buổi sáng tại khách sạn như: “morning Call” hay “Wake up” mà họ đánh vần cũng rất khó nghe. Đa phần họ phát âm theo chữ Katakana; chứ không phát âm theo phiên âm của Anh ngữ học. Do vậy họ rất ít dùng tiếng Anh để giao dịch. Tuy nhiên có nhiều người học ở ngoại quốc về hay phục vụ tại công sở hay phi trường và các cơ quan quốc tế thì tiếng Anh rất giỏi.

Tại sao vật giá tại Nhật đắt đỏ thế? – Có lẽ vì giá trị của sự lao động cao; không như các nước Đông Nam Á khác; nên vật giá mới cao như vậy. Người Nhật dạy cho con họ rằng: “Quê hương ta chẳng có gì ngoài sông và biển cũng như núi cao, rừng rậm; đất đai không có bao nhiêu. Các con khi lớn lên hãy nỗ lực tự sức mình để xây dựng quê hương đất nước này. Nhờ đó các con được an phận để sống”. Người Nhật không dạy cho con cái họ là: “Quê ta có tiền rừng bạc biển hoặc là hòn ngọc của viễn đông, các con cứ thế mà tiêu xài”; nên quê hương họ mới vững vàng trên giá trị của con người và thiên nhiên là vậy.

Đoàn của chúng tôi đi thăm tượng Đại Phật A Di Đà (cao 120 mét, lớn gấp 4 lần tượng Nữ Thần Tự Do ở New York) do Phái Tịnh Độ Chơn Tông của Ngài Thân Loan xây dựng tại tỉnh Ibaragi; gọi đây là Ushiku Daibutsu, rồi đến Hoàng Cung của Nhật Hoàng. Asakusa nơi Đức Quan Âm linh thiêng. Sau đó đi Nara và Kyoto để thăm chùa Đông Đại, chùa Pháp Long, chùa Thanh Thủy, chùa Kim Các, chùa Đông Bản Nguyên và đến Hiroshima để đánh lễ Đức Địa Tạng không có đầu (Fuchu) và nơi kỷ niệm quả bom nguyên tử đã nổ vào ngày 8.9.1945. Tất cả đều là một giấc mơ, mà mọi người đã thực hiện được.

Chùa Việt Nam tại tỉnh Kanagawa ở Nhật Bản đang sừng sững đứng đó, chờ đợi những bàn tay trẻ trung tiếp tục gây dựng và tài bồi. Vì thế hệ của chúng tôi đã đi qua một chặng đường của lịch sử. Tất cả đều là một dấu ấn, mà chúng ta không hổ thẹn với tiền nhân. Vì chúng ta đã làm được những gì trong khả năng của chúng ta và lịch sử vẫn còn đó. Ngày mai đây trên bước chim Di của đàn con Việt về sau này, có thể là 1.000 năm hay 2.000 năm nữa, họ sẽ nhắc lại ngày xưa ở thế kỷ thứ 21 này đã có những con người như thế; cũng giống như ngày nay chúng ta nhắc lại vào năm 752 (nghĩa là cách nay 1.260 năm) lễ khai nhân cúng dường tượng Tỳ Lô Giá Na Phật ở chùa Đông Đại tại Nara do Thánh Vũ Thiên Hoàng mời gọi, mà Thần Tăng của Ấn Độ là Ngài Bồ Đề Tiên Na và Danh Tăng của xứ Phù Nam Lâm Ấp (Việt Nam) Ngài Phật Triệt đã đến đây ngày ấy. Các Ngài đã dạy cho dân Nhật những điệu múa Vu Lan và các bài tán tụng cho Tăng Chúng, mà ngày nay vẫn còn lưu lại tại chốn này. Ngày 1 tháng 11 năm 2012 người đứng ghi tên cúng ngói để tu bổ chùa Đông Đại cũng đã nhắc lại sự tích này cho chính tác giả nghe. Nghe xong cảm thấy ngậm ngùi và cúi đầu bái tạ ân đức của người xưa đã gieo rắc hương thơm cho đến hậu thế cả gần 1.300 năm vẫn còn phảng phất nơi trần gian này.

Sáng ngày 5 tháng 11 năm 2012, Phái Đoàn chúng tôi đi thăm tượng Đại Phật tại Kamakura, sau đó tiến ra phi trường Narita, rồi Haneda để lần lượt chia tay, người về Âu Châu, kẻ đi Mỹ hay đi Á. Tất cả những dặm đường hành hương lịch sử này đã ghi lại một nỗi niềm, một tâm sự mà mọi người trên chuyến hành hương lịch sử này đã nói cho nhau nghe hay nghe nhau nói suốt trên các tuyến xe Bus từ Tokyo đi Hiroshima cả hai chuyến đi về và tâm sự đầy vui tại chánh điện nơi Đức Địa Tạng không đầu tại Fuchu vào một chiều thu lộng gió với lá vàng rơi lá tả khắp tháp chuông chùa; khiến cho ai nấy đều tự nhớ lại việc sanh tử của mình, để rồi từ đó bước đi, không ngại ngần gian lao thử thách giữa chốn Ta Bà này.

Riêng tôi xin cảm ơn tất cả 85 tấm lòng. Trên từ quý Thầy, quý Sư Bà, quý Sư Cô; dưới đến những người Phật Tử Thân thương và những người theo Đạo khác đã tháp tùng chung Đoàn đi trong lần này. Nếu không có quý vị, tôi đã chẳng có thể phục vụ được gì cả trên phương diện ngôn ngữ, giao dịch, trao đổi cũng như giới thiệu về phong tục, tập quán của xứ này đến quý vị, mà hơn 40 năm trước, tôi đã thọ nhận ân nghĩa của xứ này; nên lần này hai ông bà Akiyama, người bảo lãnh tôi vào Nhật, khi mình còn là một sinh viên Tăng và Iyoda, người bạn học cùng Phân khoa Giáo dục tại Đại Học Teikyo (Đế Kinh) từ năm 1973-1977 cũng đã hiện diện trong lễ Khánh thành Chùa Việt Nam tại Nhật Bản vào ngày 4 tháng 11 năm 2012 vừa qua. Tất cả đều là những ân nghĩa nghìn trùng.

Từ Bangkok đi Delhi, rồi Gaya. Từ Gaya đến Singapore, rồi Sydney, Adelaide từ ngày 6.11 đến ngày 19.11.2012 tôi một mình lẻ bóng với Đoàn; nhưng bước đường còn lại cũng đáng nói nhiều điều và tôi có ý ghi lại cận kề để ngày sau có người tìm hiểu có căn cứ mà dò tìm.

Đến Bồ Đề Đạo Tràng lần này không có người đi đón; ngoại trừ tài xế Taxi mang bảng đón Sư Phụ. Như vậy cũng đã an tâm rồi. Lần đi vào ngày 12 tháng 11 cũng không có người đưa tiễn. Từ từ rồi tôi cũng quen dần với sự trống vắng này. Nhiều lúc tôi cũng tập để chẳng bận lòng ai; dầu cho đó là đệ tử xuất gia hay tại gia, muốn đi lúc nào thì đi, muốn đến lúc nào thì đến; muốn ở bao lâu cũng được; đến lúc không thích ở nữa thì đi. Đời vốn tự tại như vậy, tại sao ta lại bị trói buộc bởi chính mình để làm gì? Nhiều vị Tôn Túc bảo tôi rằng: Ngày xưa đi đâu có cả đoàn đệ tử đi cùng, mà nay lại chỉ một mình? Tôi nhoen miệng cười đáp lễ bằng những chữ “nhân duyên như vậy biết nói sao đây!”. Đã gọi là nhân duyên thì chẳng có gì để trói buộc cả. Cái gì phải đến để cho nó đến; cái gì đi hãy để cho nó đi. Hãy tập bình tâm khi mọi việc thay đổi đến với mình. Lúc ấy ta sẽ chẳng có gì để hy vọng và cũng chẳng có gì để thất vọng cả. Đời vốn là thế, thì Đạo cũng không ra khỏi sự chi phối của vô thường, sanh, trụ, dị, diệt được.

Mỗi lần đến Ấn Độ trong 10 năm qua, tôi có những công việc như: Tiếp xúc Tăng Ni sinh Việt Nam nhận học bổng của Chùa Viên Giác và họ đang du học tại Ấn Độ. Đánh lễ nơi Đại Tháp hoặc tụng kinh cầu nguyện. Làm phước bố thí



cho những người nghèo và cúng dường Trai Tăng. Chỉ chừng ấy công việc thôi cũng tốn ít nhất là một tuần lễ cho đến 10 ngày. Lần này có việc rải tro cốt của Đạo Hữu Diệu Anh và con gái của Đạo Hữu Thiện Phương nên tôi đã kết hợp việc lễ tam bộ nhất bái lần thứ 2 vào ngày 10 tháng 11 năm 2012 vừa qua. Từ chân núi Linh Thứu lên đến đỉnh; chúng tôi lạy con đường mà vua Tần Bà Sa La thuở xưa cách đây 2556 năm về trước đã xuống ngựa, để lên hương thất đánh lễ Đức Thế Tôn. Tổng cộng gồm 1.860 bước và 620 lạy của 36 người, cả Tăng lẫn tục. Chúng tôi lạy một cách an lạc. Trong đó có nhiều vị tu thiền như Ni Sư Giải Thiện đến từ Việt Nam và đa phần là những người tu theo Tịnh Độ và Mật. Khi lạy xuống đất, nhiều khi gặp cả phân và nước tiểu của bò rừng; nhưng chúng tôi đều vô ngại. Lúc ấy mình cũng hóa thân làm bò để được bình đẳng với mọi loài như câu phục nguyện: “Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”.

Sau 3 tiếng đồng hồ, kể cả ngồi nghỉ 2 lần tại hóa thành nơi Linh Sơn kiều và hang động của Ngài Xá Lợi Phất; cuối cùng rồi chúng tôi cũng lạy đến đỉnh cao, vào đến Hương Thất của Ngài để đánh lễ. Trên đường đi cũng có lắm kẻ tò mò đứng lại xem; nhất là những người theo Ấn giáo và Hồi giáo; nhưng những người Phật Tử Thái Lan thì họ quỳ xuống, cung kính lễ bái lại đoàn người lạy tam bộ nhất bái, thật cảm động vô cùng. Cũng có người đi lên không nổi phải dùng kiệu 2 người khiêng; nhưng tất cả đều tâm thành thanh tịnh.

Những giọt mồ hôi nhễ nhại của tuổi 64 khi lạy lên Hương Thất của Đức Phật, tôi thấy mình hạnh phúc vô biên. Vì mình đã được tu, được học, được hành trì và bên cạnh mình có không biết bao nhiêu người cũng đang hưởng được những pháp vị nhiệm mầu ấy. Đòi người ngăn ngại lắm. Tại sao người ta không biết dành thời giờ để tu niệm mà cứ thị phi nhơn ngã, để rồi cuối cùng chúng ta vẫn phải chôn xác dưới đám cỏ xanh rì, đâu có ai ngó ngàng tới. Thế mà mấy ai biết được chữ ngờ.

Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng có một thư viện xinh xinh, chứa độ 2.000 – 3.000 cuốn sách và tự điển gồm các ngôn ngữ như: Việt, Anh, Đức, Nhật, Hán, Tây Tạng, Pali, Sanscrit v.v... ai đó có thời giờ; nên ghé ngang qua đây để thưởng thức những giá trị văn học Phật Giáo được ghi lại thành văn này.

Chiều ngày 6 tháng 11 năm 2012 tôi ghé vào thư viện và nhìn lên kệ sách thấy có quyển “Kim Các Tự” khá dày, đóng bìa cứng, độ 600 trang. Sách được in năm 1970 và tác giả là Kimura; người dịch sang tiếng Việt không cho biết là dịch từ tiếng Anh hay tiếng Nhật; nhưng văn phong quá tuyệt vời. Tôi say mê đọc trong 3 ngày thì xong.

Đây là một tác phẩm văn chương giới thiệu về vị trí của ngôi chùa Kim Các ở Kyoto trải qua 4 mùa mưa nắng trong lòng người Phật Tử. Có một Tiểu Tăng con của một nhà Sư ở quê được gọi đến đây để đi học. Vì thân phụ của chú Tiểu

này và vị Sư trụ trì là bạn đồng song ở Tỷ Duệ Sơn thuở còn sanh tiền. Cuộc đời của chú Tiểu trải qua nhiều giai đoạn khác nhau từ thiếu niên đến thanh niên, rồi sa đọa, rồi trưởng thành. Tiểu này bị Sư trụ trì la rầy về những hành vi bất chính; nên chú ta chỉ có một tâm niệm là nên đốt chùa thì vị Thầy kia không có cơ hội để trú ngụ tại đó và la rầy chú nữa. Ngoài ra chú ta cũng muốn thiêu rụi hình ảnh ngôi chùa biểu tượng của Hoàng Gia Nhật và công chúng Phật Tử, để không còn ai nhớ tưởng đến nữa. Tuy đã tìm đủ mọi cách; nhưng kế hoạch bất thành và ngay cả người Mỹ thả 2 quả bom nguyên tử tại Nagasaki và Hiroshima vào ngày 6 và 8 tháng 9 năm 1945 để ngày 15 tháng 9 năm 1945 Nhật Hoàng phải đầu hàng vô điều kiện. Thế mà họ cũng chưa bao giờ nghĩ đến việc đốt cháy Kyoto. Vì nơi đây những ngôi chùa cổ hiện diện trên cả nghìn năm nay là một giá trị văn hóa vô ngôn của quốc gia này.

Câu chuyện không có gì ly kỳ mấy; nhưng văn chương thật là sáng sủa nhẹ nhàng, khiến cho người đọc không muốn dừng. Đây là sự thành công của tác giả và dịch giả. Ngày nay đa phần người ta xem văn chương, văn hóa trên Internet, giống như nấu mì ăn liền; cho nên tìm ra một hương vị của văn hóa, thật là khó khăn vô cùng.

Những ngày nằm ở Trung Tâm Tu Học Viên Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng cũng là những ngày nhớ lại những kỷ niệm lúc đi hành hương tại Nhật Bản từ ngày 29.10 đến ngày 5.11.2012 vừa qua. Chiều ngày 4 tháng 11 sau lễ khánh thành, trên đường về khách sạn tại Atsugi bằng xe Bus, có học giả Đỗ Thông Minh đi cùng xe và anh ta giới thiệu cũng như trả lời nhiều câu hỏi thật là cặn kẽ cho những kẻ phương xa đến Nhật. Có người đặt câu hỏi với anh ta là: Nước Úc, nước Ấn Độ bị người Anh cai trị hay nói chung những nước nào bị ảnh hưởng với người Anh đều đi bên tay trái; riêng nước Nhật, từ trước đến nay không bị người Anh cai trị, tại sao họ vẫn đi bên tay trái mà không đi bên tay phải? – Anh trả lời rằng: Ngày xưa các võ sĩ đạo cỡi ngựa hay đi bộ, họ đều đeo gươm bên tay trái và dùng tay mặt để tuốt kiếm khi giao chiến với nhau. Nếu cả hai người đi đối diện đều đi bên tay mặt thì kiếm sẽ dễ bị đụng vào nhau. Cho nên người Nhật chọn bên tay trái để đi. Như vậy cả hai bên đối diện nhau, kiếm không va chạm vào nhau được. Có lẽ đây là cách nghiên cứu riêng của học giả Đỗ Minh Thông. Mới nghe qua cũng có lý; nhưng chúng ta chờ đợi thời gian sẽ trả lời.

Có người hỏi tôi rằng: Bạch Thầy! Theo con thấy hầu như các bức hình hoặc tượng của Tây Phương Tam Thánh, Đức Phật A Di Đà đều dùng tay mặt duỗi xuống để cứu độ lục phàm; nhưng tại sao tôn tượng Đức Phật A Di Đà tại Chiangmai nơi Cực Lạc Cảnh Giới Tự và tượng Đại Phật Ushiku ở Ibaragi Nhật Bản, Ngài dùng tay trái để tiếp dẫn? Câu hỏi nghe dễ mà trả lời đâu có dễ. Tôi trả lời ví von cho mọi người cười là: Có lẽ người Thái và người Nhật đều đi bên

tay trái; nên Đức Phật A Di Đà duỗi tay trái ra để dễ tiếp độ. Tuy nhiên theo Thầy Hạnh Nguyên thì cho rằng: trong hình cực lạc thế giới đồ, Đức Phật A Di Đà cũng tiếp dẫn tay trái.

Điều tôi muốn trình bày ở đây với quý vị là ngày 10.11.2012 vừa qua, trước đó cũng như sau đó trời mưa tầm tã; nhưng vào ngày này khi Phái Đoàn của chúng tôi lạy tam bộ nút bái thì trời quang mây tạnh lạ thường. Đây là kết quả của sự linh thiêng qua 4 chặng đường đã đi và chặng đường thứ 5 ở Adelaide, Úc Châu, cũng như vậy. Quả là “Phép Phật nhiệm màu”.

Lần này vào Úc, tôi gặp một chút trở ngại ở phi trường New Delhi. Ngày nay New Delhi đã trở thành bộ mặt chính của đất nước này. Từ phi trường quốc nội sang ngoại quốc, hoặc ngược lại, sự di chuyển thật thuận lợi không như Sydney của Úc. Và lại Ấn Độ mới xây lại sau; nên nhiều phương tiện công cộng rất tiện lợi. Tuy nhiên nếu so với các phi trường Singapore, Âu Châu và Mỹ Châu thì có nhiều điều chưa bằng.

Những người có quốc tịch Âu Châu khi vào Mỹ và Úc không cần đến Sứ Quán sở tại để xin Visa; nhưng văn phòng du lịch phải xin Visa loại bằng điện tử ETA trước khi vào đây. Visa thì có nhưng ngày sinh của tôi sai; nên phải bỏ một chuyến tàu, đến sáng hôm sau ngày 13 mới lên máy bay và ngày 14.11 mới đến Sydney để ngày 15 đi Adelaide. Thay vì quá cảnh tại Kuala Lumpur của Mã Lai thì phải quá cảnh qua Singapore để đi bằng máy bay của hãng Qantas. Lâu lắm tôi mới trở lại Singapore. Lần này thấy lạ vô cùng. Có đến cả 3 Terminal. Mỗi Terminal rộng lớn gấp nhiều lần của những năm trước. Nếu Việt Nam muốn bằng Singapore, chắc cũng phải chừng 50 năm nữa mới theo kịp họ ở mọi phương diện, nhất là về phương diện tự do.

Ngày 19, 20 và 21 tháng 11 năm 2012 là những ngày trọng đại của Tăng Ni và Phật Tử Việt Nam tại Adelaide nói riêng và nước Úc nói chung. Đó là ngày Hiệp Kỳ Chư Lịch Đại Tổ Sư (Về Nguồn 6), lễ Khánh thành Bảo Tháp Tam Bảo và lễ chúc thọ Bát Tuần thượng thọ của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Pháp Hoa Thích Như Huệ.

Thời tiết ở đây vừa hết xuân sang hè. Khí hậu ngược lại với Âu Mỹ. Vì nước Úc nằm ở Nam Bán Cầu; do vậy ở đây Đông thì ở kia Hạ; ở đây Xuân thì ở kia Thu. Trước khi những buổi lễ bắt đầu, đài truyền hình qua việc dự báo thời tiết cho hay là suốt cuối tuần ấy thời tiết âm u, mưa gió nặng hạt. Thế nhưng đã chẳng có hạt mưa nào rơi; thỉnh thoảng chỉ có một vài cơn gió lạnh mang đến từ vùng biển. Bầu trời quang đặng và đẹp nhất là vào sáng ngày 18 tháng 11 năm 2012 vừa qua; ngày khánh thành Bảo Tháp Tam Bảo, có cả hàng trăm Tăng Ni, hàng ngàn Phật Tử và hơn 100 quan khách đại diện chính quyền Úc, kể cả đảng đối lập đến tham dự và chúc mừng những ngày lễ quan trọng này của đồng bào Phật Tử Việt Nam chúng ta hiện cư ngụ tại Nam Úc.

Lễ chúc thọ của Hòa Thượng Thích Như Huệ vào tối ngày 17.11.2012 là cơ hội để Môn đồ, Pháp quyến bày tỏ tấm lòng của người học trò, Đệ tử đối với Thầy mình qua một chặng đường dài suốt 80 năm ấy. Không ai lại không mũi lòng khi nghe nhắc đến những chuyện xưa. Tuy đơn thuần chất phác nhưng đậm đà tình nghĩa Thầy trò sư đệ. Thật đúng với câu:

"Ôn giáo dưỡng một đời nên huệ mạng  
Nghĩa Tôn Sư muôn kiếp khó đáp đền."

Đại diện cho môn phái Lâm Tế Chúc Thánh Hải Ngoại, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, chúng tôi, Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn đi tặng Ngài 4 chữ: HẠNH QUẢ VIÊN DUNG.

Đại diện môn phái Lâm Tế Chúc Thánh quốc nội Hòa Thượng Thích Như Tín, Hòa Thượng Thích Giả Trọng, Hòa Thượng Thích Như Thọ, Đại Đức Thích Hạnh Minh đi chữ THO đậm nét màu vàng.

Các Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á và Canada đều có quà tặng đến Ngài.

Phần tôi đã nhắc lại kỷ niệm gần 50 năm về trước, khi Ngài còn làm Tuyên Úy (1964-1966) của quân đội thuộc các đơn vị Phật Tử ở miền Trung; rồi làm Giám đốc Trường Trung Học Bồ Đề Hội An (1966-1968), lúc ấy tôi đang theo học đệ ngũ và đệ tứ. Đến năm 1969 tôi đi vào Sài Gòn tạm trú tại Chùa Hưng Long và sau khi đậu Tú Tài I (1970), Tú Tài II (1971), tôi lên đường sang Nhật du học năm 1972. Kể từ đó về sau tôi chưa có dịp gặp lại Hòa Thượng một lần nào nữa. Thế rồi vào một chiều thu gió lộng tại xứ Đức, cách đây 32 năm về trước bỗng nhiên tôi nhận được điện thoại của Ngài gọi đến từ Nhật Bản. Thầy cho biết là Thầy được tàu của Na Uy vớt và Thầy muốn đến Đức hay Na Uy để định cư.

Tôi thưa rằng:

- Bạch Thầy! Không nên, vì ở đây có 2 cái khó. Cái khó thứ nhất là ngôn ngữ Đức không dễ dàng với người ngoại quốc; cái khó thứ hai đối với tuổi già không kham nổi; đó là cái lạnh và băng giá vào Đông, đôi khi âm 20°C.

Nghe như vậy Thầy hỏi tôi:

- Vậy bây giờ nên đi đâu?

Tôi thưa rằng: "Ở Adelaide tại Úc, Hội Phật Giáo Việt Nam đã được thành lập; nhưng chưa có Thầy; nếu Thầy đồng ý, con gọi điện thoại qua ông Hội Trường Nguyễn Văn Tươi, nói ông ta làm thủ tục bảo lãnh Thầy; giống như trường hợp của Thầy Bảo Lạc cách đây một hai năm thì Thầy sẽ toại nguyện."

Thầy hỏi:

- Ở Úc có gì?

Tôi thưa:

- Ở Úc có những tia nắng ấm vào hè mà Âu Châu sẽ không có. Ở Úc có chôm chôm, ổi, mít, rau muống v.v...

Thầy bảo:

- Như vậy thì hãy nói người bảo lãnh tôi qua đó.

Độ chừng 3 tháng sau thì Thầy đã được Tòa Đại Sứ Úc tại Nhật cấp Visa vào Úc. Từ đó ngôi Chùa Pháp Hoa lần lượt trải qua các giai đoạn như: thuê mượn, tạo mãi và trước đây 30 năm Ngài đã chủ trương mua đất cất chùa. Năm nay kỷ niệm 30 năm Chùa Pháp Hoa hiện diện nơi miền Nam nước Úc; tất cả đều do sự lãnh đạo của Ngài mà thành tựu.

Đầu tiên khi tôi đến miền này vào năm 1979 họ là những người Phật Tử làm việc chung trong một Hội, lấy tên là Hội Phật Giáo Đông Dương (Việt, Miên, Lào); nhưng qua nhiều đề nghị và phản ảnh; nên tôi đã khuyên quý Phật Tử lúc bây giờ là hãy nên tách rời Phật Giáo Việt Nam ra. Vì lẽ chúng ta theo Phật Giáo Đại Thừa; những ngày chay tịnh cần thể hiện rõ ràng. Còn 2 xứ kia theo Phật Giáo Nam Tông tụng kinh tiếng Pali và việc dùng tam tịnh nhục không hợp với Phật Giáo Việt Nam mình mấy. Thế là thay đổi nội quy và bầu Ban Chấp Hành mới. Giờ đây mời dự lễ kỷ niệm 30 năm chùa Pháp Hoa, các vị Sư người Miên và người Lào vẫn đến chung vui tham dự. Đúng là tinh thần của người Úc, không phân biệt sắc dân và Tông Phái. Điều này cũng ứng hợp với tinh thần trong quyển Kim Các Tự mà tác giả Kimura đã viết như sau: Vấn đề quan trọng không phải là dùng bạo lực để thay đổi thế giới này, mà chính là tâm thức thay đổi của con người. Trong quyển sách dày cộm hơn 600 trang ấy tôi đã đón nhận thêm một ý tưởng mới nữa. Đó là: Khi chiếc xe chuyển bánh thì con người ngồi yên trong xe. Khi xe dừng lại thì con người lại tiếp tục di chuyển. Đây chính là pháp duyên sanh trong Đạo Phật vậy.

Bốn cây thạch trụ của Thiên Gia xứ Quảng cách đây 50 năm về trước đó là: Cố Hòa Thượng Thích Như Vạn, trụ trì Tổ Đình Phước Lâm tại Hội An; Sư Phụ tôi Cố Hòa Thượng Thích Long Trí, trụ trì chùa Viên Giác Hội An; Hòa Thượng Thích Chơn Phát, trụ trì chùa Long Tuyền và Hòa Thượng Thích Như Huệ, trụ trì chùa Tỉnh Hội Hội An kiêm Giám đốc Trường Trung Học Bồ Đề Hội An. Trong 4 vị này, Thầy Như Huệ là người có nhiều phước báu nhất; mặc dầu cuộc đời của Thầy cũng không bằng phẳng mấy; nhưng khi càng lên dốc cao, mới thấy được khả năng của người leo núi. Lúc ma chướng bủa vây; chính là lúc chúng ta thể hiện lòng kham nhẫn. Có như vậy “Phật Pháp mới nhiệm màu“.

Tôi về lại Sydney ngày 19.11 và ngày 20 chúng tôi hành trang lên núi đồi Đa

Bảo đề tịnh tu, nhập thất và năm nay tôi cùng Hòa Thượng Sư Huynh Thích Bảo Lạc sẽ viết chung một tập sách để kỷ niệm trong 10 năm, sau khi không còn trụ trì chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc nữa, tôi trở về ngôi Phương Trượng, cố gắng đóng góp phần mình cho vấn đề dịch thuật, viết lách nhằm góp phần tài bồi cho nền văn hóa Phật Giáo nước nhà có thêm nhiều tư liệu mới bằng tiếng Việt.

Tôi rất vui khi mọi việc đã được thành tựu; nhưng cũng sẽ chẳng buồn khi nhân duyên không hội đủ. Với tôi, tất cả đều có ý nghĩa, dầu cho chỉ là một chiếc lá rụng về rơi lá tả đầu đó trong sân chùa, trên sân gare hay ở một vùng quê nào heo lánh. Tất cả đều là ân nghĩa. Tất cả đều là phước báu. Nếu không có họ thì sẽ không có mình. Trong mình có họ, trong họ có mình. Ý này rút ra từ bài “Lạy Mẹ Con Đi” của Gia Huy đã hát trên chuyến xe Bus từ Kyoto đến Nara và đây cũng là một bài hát, một ý tưởng rất hay khi Gia Huy hát tặng quý Thầy Cô nhân lễ Hiệp Kỳ lần thứ 6 tổ chức tại chùa Pháp Hoa ở Adelaide từ ngày 16 đến 18 tháng 11 năm 2012 vừa qua.

Khép lại một trang văn, diễn tả sự nhiệm mầu qua việc cầu nguyện, để những ngày tháng và lễ lộc tại xứ người có được nhiều niềm hỷ lạc và chính đây là động cơ đã giúp cho tôi viết xong bài này trong một thời gian rất ngắn trên núi đồi Đa Bảo qua 5 sự kiện vừa nêu trên.

*Kỷ niệm lần tịnh tu nhập thất thứ 10 trên núi đồi Đa Bảo*

*vùng Blue Mountain, Sydney, Australia ngày 22 tháng 11 năm 2012.*